TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 3 - 2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trí Dũng và ông Nguyễn Hải Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Lê Huy P, sinh năm 1976; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện L, tỉnh H.

Hiện anh P đang chấp hành án tại: Trại giam Nam Hà; địa chỉ: Xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2021; bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T; bản tự khai của bị đơn anh Lê Huy P, nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Lê Huy P là tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/1998 (Âm lịch) tại Uỷ ban nhân dân xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P nghiện ma tuý từ trước khi vợ chồng kết hôn, sau khi về chung sống với nhau, anh P lười lao động, thường xuyên tụ tập bạn nghiện, chơi bời, hút hít ma tuý tại nhà, chị và gia đình chồng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Thậm chí, anh P bắt chị đưa tiền, nếu chị không có tiền thì anh P bắt chị đi vay tiền để anh P mua ma tuý về sử dụng, chị không đồng ý thì anh P đánh đập, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Khoảng năm 2012, anh P bị Toà án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, anh P trở về địa phương, vợ chồng chung sống với nhau nhưng cũng không có hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2015 anh P lại bị Công an bắt và bị Toà án tỉnh Hà Nam xử phạt 09 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* và đi chấp hành án tại Trại giam Nam Hà từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định do anh P nghiện ma tuý, phá tán tài sản, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Huy P.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2021 (có xác nhận của Trại giam Nam Hà), anh Lê Huy P cho rằng: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xóm 21 (nay là thôn 4), xã Chính Lý, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Hiện nay anh đang chấp hành án phạt 09 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* tại Trại giam Nam Hà, chị T vẫn thường xuyên vào thăm gặp anh. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý mà đề nghị được đoàn tụ cùng chị T. Anh P không có ý kiến gì về tài sản, công nợ.

- *Về con chung:* Chị T và anh P đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Quang C, sinh năm 1998 và cháu Lê Minh Đ, sinh năm 2003, hiện nay đều đã trên 18 tuổi, tự lập. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị T và anh P đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác:* Chị T và anh P đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Huy P. Về con chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết vì các con chung của vợ chồng đều đã trên 18 tuổi, tự lập. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Lê Huy P. Về con chung: Do các con chung của chị T và anh P đều đã trên 18 tuổi, tự lập nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị T cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn là anh Lê Huy P vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Huy P là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T cho rằng do anh P chơi bời, lười lao động, mắc nghiện ma tuý, phá tán tài sản, gây ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình; anh P nhiều lần bị bắt và xử phạt tù về tội phạm liên quan đến ma tuý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh P đánh đập nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Ý kiến của P lưu trong hồ sơ vụ án: Anh P xác định anh có sử dụng ma tuý và nhiều lần bị xử phạt tù về tội phạm liên quan đến ma tuý. Hiện tại anh đang chấp hành án phạt 09 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* tại Trại giam Nam Hà, trong thời gian chấp hành án chị T vẫn thường xuyên vào thăm gặp anh. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh đề nghị được đoàn tụ cùng chị T vì vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, hơn nữa nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng không tốt đến con cái và gia đình.

Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương xã Chính Lý, xác định quá trình chị T - anh P chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh P đã hai lần bị Toà án xét xử về tội phạm liên quan đến ma tuý, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hiện nay anh P đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam

Nam Hà; địa phương đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh P đã kéo dài nhiều năm nay, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là cháu Lê Quang C, sinh năm 1998 và cháu Lê Minh Đ, sinh năm 2003, hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, tự lập. Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Huy P.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0000994 ngày 24/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Chính Lý;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Huy